

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
(Hợp nhất)

	Nội dung	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	569,005,909,181	731,732,632,930
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	97,946,356,058	88,065,562,605
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	11,984,741,848	7,580,463,487
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	137,752,564,829	226,340,014,146
4	Hàng tồn kho	288,792,641,423	372,918,269,177
5	Tài sản ngắn hạn khác	32,529,605,023	36,828,323,515
II	Tài sản dài hạn	396,957,771,481	483,713,684,259
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	245,472,654,412	289,568,519,678
	- Tài sản cố định hữu hình	146,618,755,804	159,040,463,673
	- Tài sản cố định vô hình		
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	98,853,898,608	130,528,056,005
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	141,223,823,017	179,912,518,620
5	Tài sản dài hạn khác	10,261,294,052	14,232,645,961
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	965,963,680,662	1,215,446,317,189
IV	Nợ phải trả	512,237,814,164	739,142,202,465
1	Nợ ngắn hạn	452,918,571,719	648,096,355,434
2	Nợ dài hạn	59,319,242,445	91,045,847,031
V	Vốn chủ sở hữu	345,951,928,423	353,865,862,156
1	Vốn chủ sở hữu	343,402,218,030	352,322,172,774
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	90,000,000,000	90,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	192,828,570,000	192,828,570,000
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ	(2,170,000)	(2,170,000)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(234,908,400)
	- Các quỹ	18,817,478,731	18,914,530,319
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	41,758,339,299	50,816,150,855
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	2,549,710,393	1,543,689,382
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,549,710,393	1,543,689,382
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	Lợi ích của cổ đông thiểu số	107,773,938,075	122,438,252,568
VII	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	965,963,680,662	1,215,446,317,189

Sơn La, ngày 26 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý IV năm 2009

(Hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Luỹ kế
	1	4	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	234,430,741,676	858,962,220,345
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	1,650,388,825	2,419,711,203
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	232,780,352,851	856,542,509,142
4	Giá vốn hàng bán	197,264,694,073	747,584,575,119
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	35,515,658,778	108,957,934,023
6	Doanh thu hoạt động tài chính	3,167,430,838	9,323,130,246
7	Chi phí tài chính	7,008,182,469	10,552,272,641
	Trong đó: Chi phí lãi vay	9,416,223,222	14,932,848,198
8	Chi phí bán hàng		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	11,858,760,982	48,109,791,254
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	19,816,146,165	59,619,000,374
11	Thu nhập khác	3,792,934,628	9,844,271,990
12	Chi phí khác	3,292,483,382	8,743,574,981
13	Lợi nhuận khác	500,451,246	1,100,697,009
14	Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	(2,969,860,964)	0
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17,346,736,447	60,719,697,383
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,624,664,967	2,884,034,984
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15,722,071,480	57,835,662,399
19	Lợi ích của cổ đông thiểu số	5,475,995,165	11,918,988,642
20	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10,246,076,315	45,916,673,757
21	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	1,138	5,102

Sơn la, ngày 26 tháng 01 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Năm 2009

(Hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	2	3	4	5
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	38.37	39.80
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	61.63	60.20
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	44.66	60.81
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	44.34	29.11
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.70	0.55
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1.45	1.13
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	5.89	4.76
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5.07	6.75
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn CSH	%	13.28	16.34

Sơn La, ngày 26 tháng 01 năm 2010

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ